TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DSST.
Ngày: 28-9-2023.
V/v: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Sơn.

2. Ông Hoàng Tuyển.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 225/2023/TLST-DS, ngày 16/6/2023, về việc *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 28/8/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Đỗ Văn Ph. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ là nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/5/2023 bà Đ cho bà A vay số tiền 378.000.000 đồng, bà A ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 15/6/2023, bà Đ đã nhiều lần đến đòi nợ, nhưng từ đó cho đến nay bà A vẫn chưa trả nợ này cho bà Đ.

Nay bà Đ yêu cầu bà A trả số tiền nợ là 378.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại giấy vay tiền có chữ ký của ông Đỗ Văn Ph chồng bà A, nhưng ông Ph khẳng định khi bà A vay tiền ông Ph không biết và chữ ký trong giấy vay tiền không phải chữ ký ông Ph, nên bà Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Ph.

Ngoài ra, bà Đ không có yêu cầu nào khác.

Quá trình xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ bà A là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bà A và bà A cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph là bị đơn trình bày:

Việc bà Nguyễn Thị Ngọc A vợ ông Ph vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ như thế nào ông Ph không hề hay biết, chữ ký trong giấy vay tiền do bà Đ cung cấp không phải chữ ký của ông Ph và ông Ph cũng không sử dụng số tiền này, nên không liên quan gì đến ông Ph.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc bà Đ khởi kiện yêu cầu bà A trả cho bà Đ số tiền nợ 378.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc A tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà A đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà A vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bà A cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không

tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung: Ngày 15/5/2023 bà Đ cho bà A vay số tiền 378.000.000 đồng, bà A ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 15/6/2023, nhưng từ đó cho đến nay bà A cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà Đ.

Ngày 24/8/2023 bà Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Văn Ph.

Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bà A về yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 1045/KL-KTHS ngày 14/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc A trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 (giấy vay tiền đề ngày 15/5/2023) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc A trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là **do cùng một người ký và viết ra**.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, ngày 15/5/2023 bà Đ cho bà A vay số tiền 378.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 15/6/2023, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản", về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ đã đến đòi nợ nhưng bà A không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Đương là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu bà A và ông Ph trả số tiền nợ. Đến ngày 24/8/2023 bà Đ đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Văn Ph. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ là tự nguyện phù hợp với khoản 2 Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng không thỏa thuận lãi, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu tính lãi suất của bà Đ theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Lãi suất được tính như sau: Lãi suất được tính từ ngày 16/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2023) là 03 tháng 12 ngày (102 ngày), cụ thể: [(378.000.000 đồng x 10%) x 102 ngày] : 365 ngày = 10.563.000 đồng (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là (378.000.000 đồng tiền gốc + 10.563.000 đồng tiền lãi) = 388.563.000 đồng.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận, nên buộc bà A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho cho bà Đ tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A trả cho bà Nguyễn Thị Đ 388.563.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng), trong đó 378.000.000 đồng tiền nợ gốc và 10.563.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Đ đã rút.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 159; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 5.670.000 đồng tiền chi phí giám định.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 5.670.000 đồng tiền chí phí giám định đã nộp, đã chi sau khi thu được từ bà A.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 19.428.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 9.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0011442 ngày 16/6/2023.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.